TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2024/HNGĐ -ST
Ngày 02/5/2024.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Quách Thanh T

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn P;
2/. Ông Mai Quốc B.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị B – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà: Bà Đoàn Vũ L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 411/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2024/QĐST-DS ngày 11/4/2024, giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị T T C G, sinh năm 1998;
Địa chỉ: ấp Mỹ 1, xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.
2/. Bị đơn: Anh Đ V H, sinh năm 1990;
Địa chỉ: ấp Mỹ 1, xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.
Chị G có đơn xin vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị T T C G trình bày: Chị với anh Đ V H làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2013, còn ngày tháng thì không nhớ, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/3/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long. Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh có 01 người con tên Đ G N, sinh ngày 22/4/2014, hiện đang sống với anh H. Về tài sản chung, nợ chung chị và anh không có tài sản chung, không nợ ai hoặc ai nợ anh, chị. Nay chị G yêu cầu ly hôn với anh Đ V H, đồng ý để anh H được tiếp tục nuôi người con tên Đ G N, xin không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đ V H vắng mặt, mặc dù được Tòa án nhân dân huyện Phước Long triệu tập hợp lệ nhiều lần nên không có lời khai.

Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành quy định của khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử, chấp nH yêu câu khởi kiện ly hôn của chị T T C G, cho chị G được ly hôn với anh Đ V H.

+ Về con chung: Đề nghị căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu Đ G N, sinh ngày 22/4/2014 cho anh H trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; Chị G có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nH định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị T T C G kiện anh Đ V H về việc Hôn nhân gia đình tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu và Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị G có đơn xin vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 tại phiên xét xử nên việc xét xử vắng mặt chị G, anh H là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T T C G xác định, chị với anh Đ V H có làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2013, còn ngày tháng thì không nhớ, có đăng ký kết hôn. Tại Trích lục kết hôn ngày 17/3/2022 thể hiện chị G và anh H có đăng ký kết hôn vào ngày 17/3/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị G với anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; nay chị G yêu cầu ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn về hôn nhân của chị G và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, theo lời khai của chị G thì chị và anh H không còn sống

chung từ tháng 9 năm 2023 đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nH yêu cầu ly hôn của chị T T C G, cho chị G được ly hôn với anh Đ V H.

[3] Về con chung: Theo lời khai của chị G và giấy khai sinh do chị G cung cấp thì chị và anh H có 01 người con tên Đ G N, sinh ngày 22/4/2014, hiện đang sống với anh H, khi ly hôn chị G đồng ý giao cháu N cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, chị G xin không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy, cháu N đang sống ổn định với anh H, cháu có nguyện vọng được sống với anh H, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu Đ G N, sinh ngày 22/4/2014 cho anh H trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con do đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Chị G có quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo lời khai của chị G, chị và anh H không có tài sản chung, không nợ ai hoặc ai nợ chị và anh; chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí xét xử hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị T T C G phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nH toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Chấp nH yêu cầu khởi kiện của chị T T C G, cho chị G được ly hôn với anh Đ V H.

2/. Về con chung: tiếp tục giao cháu Đ G N, sinh ngày 22/4/2014 cho anh H trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con do đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Chị G có quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị T T C G phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị G đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006486 ngày 12 tháng 12 năm 2023 được chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long. Anh Đ V H không phải nộp án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm dân sự công khai vắng mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nH được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi NH:
- TAND tỉnh Bạc Liu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Đương sự;
- Người tham gia tố tụng khc;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh T